

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với mỏ đất san lấp và thu hồi đá ong phong hóa không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại tại xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Thương mại Thuận Lợi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau; Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 3029/2017/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh: Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm (đất giàu sắt làm phụ gia xi măng) tại xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 về việc điều chỉnh tên khoáng sản đi kèm trong Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số 2940/QĐ-UBND ngày 11/8/2017; Quyết định số 2790/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với mỏ đất san lấp và thu hồi đá ong phong hóa

không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại tại xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn của Công ty TNHH Thương mại Thuận Lợi; Chấp thuận chủ trương đầu tư số 3118/UBND-CN ngày 12/3/2021; Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án khai thác mỏ đất san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm (đất giàu sắt làm phụ gia xi măng) tại xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn của Công ty TNHH Thương mại Thuận Lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 642/TTr-STNMT ngày 30/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với mỏ đất san lấp và thu hồi đá ong phong hóa không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại tại xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Thương mại Thuận Lợi, cụ thể như sau:

1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

a) Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH Thương mại Thuận Lợi;

- Địa chỉ: Nhà ông Phạm Ngọc Sáng, thôn Quyết Thắng, xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

- Mã số thuế: 2802273774;

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

- $G_1 = G_{\text{tn}} \times K_{\text{qd}} = 49.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,290 = 63.210 \text{ đồng/m}^3$ đối với đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình;

- $G_2 = G_{\text{tn}} \times K_{\text{qd}} = 168.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,475 = 247.800 \text{ đồng/m}^3$ đối với đá ong phong hóa không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại;

c) Trữ lượng tính tiền cấp quyền: $Q = Q_1 + Q_2 = 1.098.080 \text{ m}^3$;

Trong đó:

- Q_1 là trữ lượng đất san lấp: 921.508 m^3 ;

- Q_2 là trữ lượng đá ong phong hóa không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại: 176.572 m^3 ;

d) Hệ số thu hồi khoáng sản theo phương pháp khai thác lộ thiên: $K_1 = 0,9$;

đ) Hệ số điều kiện kinh tế xã hội: $K_2 = 1,0$;

e) Mức thu tiền cấp quyền khai thác: $R = 3\%$ (đối với các loại vật liệu xây dựng thông thường còn lại, trừ nguyên liệu sản xuất cát nghiền);

f) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp:

$T = (Q_1 \times G_1 \times K_1 \times K_2 \times R) + (Q_2 \times G_2 \times K_1 \times K_2 \times R) = (921.508 \text{ m}^3 \times 63.210 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 3\%) + (176.572 \text{ m}^3 \times 247.800 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 3\%) = 2.754.082.682 \text{ đồng}$ (Hai tỷ, bảy trăm năm mươi tư triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm tám mươi hai đồng);

g) Số năm khai thác (làm tròn) là: $X = 15$ năm;

h) Số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là: $X/2 = 7,5$ lần, làm tròn 7 lần (hoàn thành việc thu tiền cấp quyền vào nửa đầu thời hạn cấp phép);

i) Số tiền nộp lần đầu:

$T_{ld} = T : (X : 2) \times 30\% = 2.754.082.682 \text{ đồng} : 7 \times 30\% = 118.032.115 \text{ đồng}$
(Một trăm mười tám triệu, không trăm ba mươi hai nghìn, một trăm mười lăm đồng);

k) Số tiền nộp lần thứ 02 đến lần thứ 07:

$T_{hn} = (T - T_{ld}) : (7 - 1) = (2.754.082.682 \text{ đồng} - 118.032.115 \text{ đồng}) : (7 - 1)$
 $= 439.341.761 \text{ đồng}$ (Bốn trăm ba mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi một nghìn, bảy trăm sáu mươi một đồng);

l) Thời điểm nộp tiền:

- Lần đầu chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo của cơ quan thuế và trước khi nhận Giấy phép khai thác;

- Từ lần thứ hai vào năm tiếp theo được thực hiện theo quy định tại Điểm b khoản 6 Điều 18 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

2. Hoàn trả kinh phí thăm dò

Mỏ đất san lấp và thu hồi đá ong phong hóa không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại tại xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa do Công ty TNHH Thương mại Thuận Lợi tự bỏ kinh phí thăm dò, phê duyệt trữ lượng. Do đó, Công ty không phải hoàn trả kinh phí thăm dò.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến Công ty TNHH Thương mại Thuận Lợi về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Công ty TNHH Thương mại Thuận Lợi có trách nhiệm:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách Nhà nước theo quy định;

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý tải trọng xe, có trách nhiệm sửa chữa các đường giao thông do quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản gây ra;

3. UBND huyện Triệu Sơn; UBND xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn có trách nhiệm quản lý tải trọng của các phương tiện vận chuyển khoáng sản theo thẩm quyền.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, tham mưu điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) đối với Công ty TNHH Thương mại Thuận Lợi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2790/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn; Chủ tịch UBND xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn; Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Thuận Lợi; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, KTTT (KTH.21.37102).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi